TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 3 – 2025
" V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Thu Hà.

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trương Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long*: *không tham gia phiên tòa*.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 491/2024/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2025/QĐST – HNGĐ ngày 14/02/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Võ Văn T**, sinh năm 1971 (Vắng mặt có đơn).

Địa chỉ cư trú: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị É**, sinh năm: 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 18/9/2024 và các lời trình bày khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Võ Văn T trình bày:***

- *Về mối quan hệ hôn nhân:* Anh và chị É hôn nhân hình thành là do tự tìm hiểu có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 22/12/2003. Sau khi cưới chị É sống bên gia đình anh. Thời gian đầu anh và chị É chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh và chị É bất đồng quan

điểm nên thường xuyên cự cải, không hòa hợp nên dần mất hạnh phúc. Anh và chị É cũng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị É.

- *Về con chung:* Có 03 con chung tên Võ Thị Thanh T1, sinh ngày 14/10/1992; Võ Thị Thúy H, sinh ngày 01/10/2000 và cháu Võ Thái T2, sinh ngày 17/10/2003 nay con chung đã thành niên phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung; nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị É vắng mặt tại phiên Tòa không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng, không cung cấp bảng khai ý kiến về các vấn đề của nguyên đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

[1.1] Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[1.2] Xét thấy, nguyên đơn anh T có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228; điểm a, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Xét việc bị đơn chị É được triệu tập hợp lệ tham dự phiên hòa giải, thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ngày giờ xét xử đến lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn; Hội đồng xét xử, quyết định xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét thấy, giữa anh T và chị É có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa anh T và chị É có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng thường hay cự cãi vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên tình cảm dần phai nhạt. Anh T và chị É đã ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay, thời gian ly thân đã quá lâu, từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tòa án đã triệu

tập chị É nhiều lần, để hòa giải nhằm giúp hai bên có thời gian, có cơ hội hàn gắn tình cảm, nhưng chị É cố tình tránh né không đến Tòa án.

Từ đó, cho thấy chị É không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử, xét thấy hôn nhân giữa anh T chị É đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên anh T yêu cầu ly hôn với chị É là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh T xác định anh T và chị É có 03 con chung tên Võ Thị Thanh T1, sinh ngày 14/10/1992; Võ Thị Thúy H, sinh ngày 01/10/2000 và cháu Võ Thái T2, sinh ngày 17/10/2003 nay con chung đã thành niên phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết. Bị đơn chị É không có ý kiến phản bác nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết. Bị đơn chị É không có ý kiến phản bác nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Anh T phải chịu số tiền án phí là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; 228; 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Võ Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị É.

2. Về con chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Anh Võ Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh Võ Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Anh Võ Văn T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số N^{0} 0009474 ngày 22/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, anh Võ Văn T đã nộp đủ không phải nộp thêm.

- Chị Nguyễn Thị É không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Vũng Liêm;
-Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Cường